

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách tại Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế

Thực hiện Quyết định số 178/QĐ-STC ngày 09/8/2023 của Giám đốc Sở Tài chính Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2022 tại Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế tỉnh Bình Định, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 178/QĐ-STC đã tiến hành thanh tra thực tế tại đơn vị.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 25/10/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra, xem xét Văn bản số 301/DAGPMB-HCTH ngày 26/9/2023 của Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng V/v: báo cáo, giải trình và kiến nghị một số nội dung tại Biên bản thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách tại Ban QLDA và GPMB Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài chính kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG:

1. Tình hình chung :

1.1. Khái quát về Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế tỉnh Bình Định:

Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng được thành lập trên cơ sở hợp nhất 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế và Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư, chính thức hoạt động từ ngày 01/3/2019 theo Quyết định số 4186/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng (sau đây gọi tắt là Ban) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo cơ chế tự chủ một phần về tài chính, chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ban Quản lý Khu kinh tế. Ban có trụ sở chung với Ban Quản lý Khu kinh tế tại Đường Võ Nguyên Giáp, TP Quy Nhơn.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ:

- Giúp Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) và tái định cư Khu kinh tế tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB và bố trí tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện giải tỏa trong khu vực quy hoạch để xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp, khu tái định cư trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng (gọi tắt là QLDA) theo ủy quyền, giao nhiệm vụ của Ban Quản lý Khu kinh tế đối với các nhiệm vụ theo

quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

- Quản lý, khai thác, sử dụng và thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế, Khu công nghiệp; quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội.

- Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật được UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy:

Năm 2022, Ban có mặt 43 người lao động: Lãnh đạo Ban: 03 người và 4 phòng trực thuộc, bao gồm: Phòng Hành chính - Tổng hợp: 12 người, Phòng Giải phóng mặt bằng: 15 người, Phòng Quản lý dự án: 07 người, trong đó có 02 nhân viên bảo vệ công trình Khu nghỉ địa Cải táng Cát Nhơn – Cát Hưng, Đội Quản lý Nhà máy xử lý nước thải: 06 người.

1.4. Đặc điểm mô hình và tổ chức công tác tài chính, kế toán:

Ban có mô hình kế toán tập trung, áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Bộ phận Kế toán thuộc phòng Hành chính - Tổng hợp, gồm 03 người trong đó có Kế toán trưởng và 02 kế toán viên.

1.5. Những thuận lợi và khó khăn:

- Thuận lợi: Được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên. Được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Khó khăn:

+ Đối với thực hiện nhiệm vụ GPMB: GPMB là công tác đặc thù, các chi phí thường phát sinh ngay khi triển khai công tác GPMB.

+ Đối với nguồn thu QLDA: Ban thực hiện công tác QLDA các dự án do Ban Quản lý Khu kinh tế làm chủ đầu tư. Các dự án thường kéo dài và kinh phí được trích sau khi hoàn thành thủ tục quyết toán dự án nên nguồn thu QLDA của đơn vị không chủ động.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022:

a) Công tác giải phóng mặt bằng: Ban đã tập trung triển khai công tác bồi thường GPMB 13 dự án theo Kế hoạch và xử lý các tồn tại vướng mắc tại 07 dự án chuyển tiếp từ năm 2021. Theo đó, đã lập và trình UBND tỉnh phê duyệt 11 phương án với tổng giá trị phê duyệt là: 29.456 triệu đồng cho 213 lượt hộ gia đình và 04 lượt tổ chức bị ảnh hưởng, hoàn thành công tác GPMB với diện tích 46,53ha.

b) Công tác Quản lý dự án và duy tu, bảo dưỡng: triển khai thực hiện 06 dự án đầu tư xây dựng tại KKT Nhơn Hội.

c) Công tác xử lý nước thải: Tổ chức vận hành, bảo dưỡng nhà máy xử lý nước thải; thu gom, xử lý, xả thải nguồn nước thải từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của các doanh nghiệp; quan trắc nước thải, báo cáo công tác bảo vệ môi trường được tiến hành thường xuyên, suôn sẻ.

d) Công tác tài chính - kế toán: Hoàn thành công tác quyết toán nguồn kinh phí thường xuyên và kinh phí vốn đầu tư năm 2022, xây dựng dự toán NSNN năm 2023, lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025, trình thẩm tra phê duyệt quyết toán hạng mục bồi thường 06 dự án.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH:

1. Việc ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

1.1. Về căn cứ pháp lý:

Để ban hành được Quy chế chi tiêu nội bộ Ban phải căn cứ vào các quy định của Nhà nước về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ chế tài chính được áp dụng cho Ban. Qua thanh tra nhận thấy, Ban là đơn vị sự nghiệp được ban hành quy chế chi tiêu nội bộ cho việc quản lý, sử dụng kinh phí tại đơn vị theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Các căn cứ đã được Ban nêu cụ thể tại Quyết định số 33/QĐ-DAGPMB ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế tỉnh Bình Định và các quyết định sau này điều chỉnh, bổ sung, thay thế Quyết định số 33/QĐ-DAGPMB.

1.2. Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục:

Trên cơ sở các văn bản của Nhà nước về tổ chức, hoạt động và tài chính, sau cuộc họp ngày 27/12/2021 với đại diện tổ chức công đoàn và các lãnh đạo các phòng, Giám đốc Ban đã ban hành Quyết định số 33/QĐ-DAGPMB. Việc ban hành nêu trên là đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Quyết định số 18/QĐ-DAGPMB ngày 15/7/2022 của Giám đốc Ban về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định số 47/QĐ-DAGPMB ngày 30/12/2022 của Giám đốc Ban về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ giai đoạn năm 2022-2025 cũng được ban hành đúng quy định. Tuy nhiên, Ban chưa báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định để góp ý dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ trước khi ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban được gửi đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định, Kho bạc Nhà nước Bình Định.

1.3. Về nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ:

Nhìn chung, các nội dung chi cho hoạt động đã được quy định đầy đủ, cụ thể, chi tiết tại Quy chế chi tiêu nội bộ theo khoản 2 Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Tuy nhiên, Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban có các tồn tại sau đây:

- Chưa quy định nguồn thu áp dụng cho Quy chế chi tiêu nội bộ theo Điều 15 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để tránh trường hợp quản lý, sử dụng sai hoặc nhầm lẫn tiêu chuẩn, định mức, nội dung.

- Tại Điều 3 Quyết định số 47/QĐ-DAGPMB, Ban đã quy định nội dung không thực tế cho hoạt động tại đơn vị sự nghiệp: “Các khoản chi theo định mức, chế độ và tiêu chuẩn của Nhà nước quy định, bao gồm: chi thường xuyên...” trong đó liệt kê tất cả các khoản chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp, nếu thực hiện thì đơn vị không có khoản chi nào là thực hiện tự chủ và mâu thuẫn với tất cả các quy định có thực hiện tự chủ được xây dựng tiếp theo trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Tại Điều 15. Trích lập các quỹ, tách nguồn của đơn vị ra 2 nội dung là hoạt động từ nguồn NSNN và hoạt động dịch vụ, trong đó trích lập quỹ bổ sung thu nhập cao hơn quy định và không thực tế đối với hoạt động dịch vụ.

- Tại khoản 2 Điều 2 và Điều 4 Quyết định số 33/QĐ-DAGPMB: Quy định kinh phí không thường xuyên được NSNN cấp cho công tác quản lý, bảo vệ, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật; nguồn kinh phí thường xuyên và không thường xuyên do NSNN cấp thực hiện cơ chế tự chủ Quy chế chi tiêu nội bộ là không đúng.

- Quy định các khoản chi phúc lợi như: chi hiếu hỷ, hỗ trợ người lao động từ chi phí hoạt động trước khi trước khi thực hiện phân phối kết quả tài chính trong năm là sai quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

- Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban chưa đầy mạnh việc khoán chi và quy định rõ chứng từ thanh toán.

1.4. Về thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban có một số nội dung quy định chưa phù hợp nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sử dụng kinh phí, qua thanh tra chưa phát hiện các sai phạm có liên quan đến các nội dung trên nhưng trong quá trình thực hiện có một số nội dung còn sai sót, cụ thể theo các nội dung thanh tra chi tiết dưới đây.

2. Về việc giao, thực hiện quyền tự chủ và dự toán năm:

2.1. Về việc thực hiện quyền tự chủ:

Tại Quyết định số 4455/QĐ-UBND Về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025; phương án kèm theo Văn bản số 120/TTr-BQL ngày 23/12/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế, thu sự nghiệp của hoạt động nhà máy xử lý nước thải đã được UBND tỉnh giao thực hiện tự chủ nhưng NSNN vẫn còn cấp và đơn vị vẫn thực hiện theo hình thức không tự chủ. Năm 2022, NSNN cấp số kinh phí: 893.000.000 đồng. Ban lại nộp khoản chênh lệch thu – chi còn lại là: 871.389.698 đồng. Như vậy, nội dung này chưa thực hiện tự chủ như Quyết định số 4455/QĐ-UBND.

2.2. Các sai sót trong quá trình thực hiện dự toán:

Ban Quản lý Khu kinh tế giao dự toán sai kinh phí: Theo Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022: 10% tiết kiệm để CCTL năm 2022 (53.000.000 đồng) được NSNN giữ lại nhưng tại Quyết định số 483/QĐ-BQL ngày 23/12/2021, Ban Quản lý Khu kinh tế lại giao dự toán cho đơn vị. Đến hết năm 2022, Ban Quản lý Khu kinh tế không có quyết định điều chỉnh (không ảnh hưởng đến số kinh phí thực cấp cho đơn vị).

3. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên:

3.1. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tự chủ về tài chính:

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp tự chủ về tài chính dùng để chi cho hoạt động của bộ máy được Nhà nước giao biên chế (22 người), được thực hiện theo các quyết định giao dự toán của Ban Quản lý Khu kinh tế như: Quyết định số 483/QĐ-BQL ngày 23/12/2021, Quyết định số 478/QĐ-BQL ngày 30/12/2022. Số liệu như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	BCQT	Số Kiểm tra	Chênh lệch
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	172.858.636	172.858.636	0
2	Kinh phí được giao (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	2.156.000.000	2.156.000.000	0
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	2.328.858.636	2.328.858.636	0
4	Kinh phí đề nghị quyết toán	2.181.699.416	2.156.964.416	24.735.000
5	Kinh phí còn tồn cuối năm	147.159.220	147.159.220	0

Nhìn chung, Ban đã quản lý và sử dụng đúng quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ nguồn kinh phí này. Tuy nhiên, có một số nội dung chi được quy định ở Quy chế chi tiêu nội bộ là sử dụng từ quỹ phúc lợi nhưng Ban đã sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động với tổng số tiền: 24.735.000 đồng (chi tiết theo Phụ lục số 1).

3.2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên không tự chủ về tài chính:

Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không tự chủ về tài chính để thực hiện các nhiệm vụ: duy tu, bảo dưỡng, vận hành nhà máy xử lý nước thải; bảo vệ cây phi lao Khu kinh tế; duy tu, bảo dưỡng hạ tầng Khu kinh tế; thuê văn phòng làm việc, thuê bảo vệ Khu kinh tế và Khu cải táng theo các quyết định của Ban Quản lý Khu kinh tế: Quyết định số 483/QĐ-BQL ngày 23/12/2021, Quyết định số 389/QĐ-BQL ngày 16/11/2022. Số liệu như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	BCQT	Số Kiểm tra	Chênh lệch
1	K. phí năm trước chuyển sang	0	0	0
2	Kinh phí được giao (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	3.869.000.000	3.869.000.000	0
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	3.869.000.000	3.869.000.000	0
4	Kinh phí đề nghị quyết toán	3.774.840.318	798.571.183	2.976.269.135
5	Kinh phí còn tồn cuối năm	94.159.682	94.159.682	0

Có một số nội dung trong việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí này, Ban chưa thực hiện đúng quy định của Nhà nước với tổng số tiền: 2.976.269.135 đồng (chi tiết theo Phụ lục số 2), cụ thể:

Đối với việc duy tu, bảo dưỡng nhà máy xử lý nước thải và hạ tầng Khu kinh tế Nhơn Hội, việc tiến hành lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu theo hình thức chỉ định thầu còn mắc phải lỗi sau: theo khoản 2 Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và điểm 2a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định thì hồ sơ chỉ định thầu 04 gói thầu duy tu sửa chữa thường xuyên công trình hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Nhơn Hội và nhà máy xử lý nước thải (gói thầu có giá trị trên 300.000.000 đồng, tổng giá trị của 4 gói thầu là: 2.976.269.135 đồng) không trình cấp có thẩm quyền (Ban Quản lý Khu kinh tế) phê duyệt kết quả chỉ định thầu. Việc Ban không trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, không có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Ban Quản lý Khu kinh tế mà đã tiến hành ký kết hợp đồng là trái quy định của Nhà nước.

4. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đầu tư xây dựng:

4.1. Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng các dự án, công trình và chi công tác bồi thường, GPMB:

Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng dự án, công trình và chi bồi thường, chi công tác bồi thường, GPMB được thực hiện theo các Quyết định của UBND tỉnh Bình Định và Ban Quản lý Khu kinh tế như: Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 20/12/2021, Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 11/01/2022, Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 06/4/2022, Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 26/4/2022, Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 15/6/2022, Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 13/09/2022, Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày

28/10/2022 của UBND tỉnh Bình Định; Quyết định số 496/QĐ-BQL ngày 28/12/2021, Quyết định số 547/QĐ-BQL ngày 31/12/2021, Quyết định số 24/QĐ-BQL ngày 17/01/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế. Theo đó trong năm 2022, Ban được Ban Quản lý Khu kinh tế giao vốn đầu tư xây dựng dự án, công trình và chi bồi thường, chi công tác bồi thường, GPMB 05 dự án lớn; hoàn trả kinh phí tạm ứng các năm trước cho Trung ương và cho tỉnh 03 dự án. Số liệu cụ thể theo tiết 4.3 điểm 4 mục II dưới đây.

4.2. Về việc giao vốn đầu tư xây dựng dự án, công trình và chi bồi thường, chi công tác bồi thường, GPMB:

Đầu năm 2022, UBND tỉnh giao vốn đầu tư xây dựng dự án, công trình và chi bồi thường, chi công tác bồi thường, GPMB cho Ban Quản lý Khu kinh tế theo Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022, Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 về việc phân bổ chi tiết kinh phí thực hiện các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, GPMB các dự án của tỉnh (đợt 1). Trên cơ sở đó, Ban Quản lý Khu kinh tế ban hành Quyết định số 496/QĐ/BQL ngày 28/12/2021, Quyết định số 547/QĐ-BQL ngày 31/12/2021, Quyết định số 24/QĐ-BQL ngày 17/01/2022 giao vốn cho Ban để tổ chức thực hiện. Sau đó UBND tỉnh ban hành các quyết định như: Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 06/4/2022, Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 26/4/2022, Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 15/6/2022, Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 13/09/2022, Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 để điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư xây dựng dự án, công trình và chi bồi thường, chi công tác bồi thường, GPMB giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế nhưng Ban Quản lý Khu kinh tế chưa có Quyết định giao vốn cho Ban theo các Quyết định điều chỉnh, bổ sung của UBND tỉnh là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

4.3. Về việc thanh, quyết toán nguồn vốn đầu tư xây dựng dự án, công trình và chi bồi thường, chi công tác bồi thường, GPMB:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
I	NGUỒN KINH PHÍ ĐT- XD ĐÃ SỬ DỤNG TRONG NĂM	6.488.757.000	5.475.222.127	-1.007.884.873
1	Hạ tầng kỹ thuật PK số 5 Khu ĐTDL Nhơn Hội	1.242.769.000	1.242.769.000	0
2	Hạ tầng kỹ thuật PK số 8 Khu ĐTDL Nhơn Hội	155.311.000	155.311.000	0
3	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải Khu vực Tây Nam KKT	37.014.000	37.014.000	0

4	Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội	3.603.921.000	3.576.083.327	-27.837.673
4.1	Điểm số 1, Nhơn Lý Cát Tiến. Trong đó:	1.702.723.000	1.700.246.327	-2.476.673
	<i>Thanh toán tiền trích đo và chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ công tác GPMB theo QĐ 1030</i>	<i>136.217.000</i>	<i>133.740.327</i>	<i>-2.476.673</i>
4.2	Khu dịch vụ thương mại 03	51.624.000	51.624.000	0
4.3	Khu du lịch Hải Giang	5.500.000	5.500.000	0
4.4	Outwart Bound Việt Nam	17.088.000	17.088.000	0
4.5	Khu phía Tây Đường trục Khu kinh tế	103.688.000	78.327.000	-25.361.000
	<i>Chi công tác phục vụ bồi thường</i>	<i>78.327.000</i>	<i>78.327.000</i>	<i>0</i>
	<i>Chi tiền bồi thường, hỗ trợ dự án GPMB</i>	<i>25.361.000</i>	<i>0</i>	<i>-25.361.000</i>
4.6	Khu Phi thuế quan	121.962.000	121.962.000	0
4.7	Khu du lịch khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội	57.936.000	57.936.000	0
4.8	Khu cải táng Suối Lò Ô	1.393.000	1.393.000	0
4.9	Khu Đô thị chức năng FLC luxcity	1.763.000	1.763.000	0
4.10	Khu phía Đông đường trục KKT	17.513.000	17.513.000	0
4.11	Nhà máy phong điện Phương mai 3	1.274.000	1.274.000	0
4.12	Khu nghĩa địa cải táng Cát Nhơn, Cát Hưng	1.521.457.000	1.521.457.000	0
5	Đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	1.449.742.000	464.044.800	-985.697.200
	<i>Chi tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB</i>	<i>975.145.000</i>	<i>0</i>	<i>-975.145.000</i>
	<i>Thanh toán gói thầu số 01 thi công xây lắp di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt dự án đường nối</i>	<i>269.621.000</i>	<i>264.718.800</i>	<i>-4.902.200</i>
	<i>Thanh toán gói thầu số 01 thi công xây lắp di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt dự án đường nối</i>	<i>58.354.000</i>	<i>58.354.000</i>	<i>0</i>
	<i>Thanh toán tiền sửa chữa thiết bị tin học</i>	<i>5.650.000</i>	<i>5.650.000</i>	<i>0</i>

II	KINH PHÍ CẤP HOÀN TRẢ NGUỒN TẠM ỨNG CÁC NĂM TRƯỚC	33.384.920.000	33.384.920.000	0
1	Đường trục Khu kinh tế	27.500.000.000	27.500.000.000	0
2	Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội	5.067.163.000	5.067.163.000	0
3	Đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	817.757.000	817.757.000	0
TỔNG CỘNG		39.873.677.000	38.860.142.127	-1.007.884.873

Nguồn vốn đầu tư xây dựng dự án, công trình và chi bồi thường, chi công tác bồi thường, GPMB sử dụng cơ bản đúng mục đích, nội dung, đối tượng. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Dự án Đường nối từ Đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong chênh lệch số tiền: 975.145.000 đồng và Dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội chênh lệch số tiền: 25.361.000 đồng theo Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022 thì nguồn vốn này dùng để hoàn trả tạm ứng do đã bồi thường, GPMB các dự án của tỉnh nhưng Ban đã sử dụng nguồn vốn này để chi trả bồi thường cho các tổ chức, cá nhân nằm trong khu dự án bị ảnh hưởng là chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 1113/QĐ-UBND.

- Khi thanh toán cho các nhà thầu chưa giảm 2% (từ 10% xuống còn 8%) thuế GTGT theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tổng số tiền: 7.378.873 đồng, bao gồm:

+ Công ty Cổ phần Địa chính Tin học Hùng Vương thực hiện trích đo và chỉnh lý bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, lập hồ sơ địa chính, phục vụ công tác bồi thường, GPMB và thu hồi đất số tiền: 2.476.673 đồng.

+ Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Miền Trung thực hiện thi công xây lắp công trình: Di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt số tiền: 4.902.200 đồng.

* Một số dự án sau đây chỉ kiểm tra việc thanh toán, hoàn ứng năm 2022:

- Dự án hạ tầng kỹ thuật Phân Khu số 5 Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội và Dự án hạ tầng kỹ thuật Phân Khu số 8 Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực III kiểm toán theo Thông báo Kết quả kiểm toán số 460/TB-KVIII ngày 06/12/2021, để tránh chồng chéo, trùng lặp nội dung thanh tra nên Đoàn thanh tra không kiểm tra hồ sơ đầu tư, hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành của dự án này. Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra chứng từ thanh, quyết toán năm 2022.

- Đối với dự án Đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội chi phí đầu tư thực hiện lớn (419.021.549.828 đồng, bốn trăm mười chín tỷ, không trăm hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng) và đã được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2014 theo Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 12/9/2014, do thời gian hạn chế nên Đoàn thanh tra không kiểm tra hồ sơ quyết toán hoàn thành dự án này mà chỉ kiểm tra thủ tục hoàn trả vốn tạm ứng phát sinh trong năm.

5. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu dịch vụ:

5.1. Thanh tra hoạt động dịch vụ nhà máy xử lý nước thải:

Theo Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, nguồn thu hoạt động dịch vụ nhà máy xử lý nước thải được UBND tỉnh giao cho Ban thực hiện tự chủ về tài chính. Tuy nhiên, trong cả năm 2022, nguồn thu này được Ban và các cơ quan chức năng thực hiện theo cơ chế không tự chủ, do vậy Đoàn thanh tra xác định nguồn thu này vẫn chưa thực hiện tự chủ về tài chính như 3 cơ quan trên.

Năm 2022, nguồn thu hoạt động dịch vụ nhà máy xử lý nước thải được thực hiện theo Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn giá xử lý nước thải tại Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội cho lộ trình 02 năm (2020 – 2021) và Công văn số 7640/UBND-KT ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc sử dụng nguồn thu hoạt động dịch vụ xử lý nước thải tại Khu kinh tế Nhơn Hội để chi hoạt động quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
I	Tổng thu (1+2)	2.595.771.047	2.701.383.304	105.612.257
1	Ngân sách nhà nước cấp trong năm 2022	893.000.000	893.000.000	0
2	Thu trong năm 2022	1.702.771.047	1.808.383.304	105.612.257
	- Thu tiền xử lý nước thải từ tháng 01 đến tháng 04	382.617.835	382.617.835	0
	- Thu tiền xử lý nước thải từ tháng 05 đến tháng 12	1.320.153.212	1.425.765.469	105.612.257
	Bao gồm:			
	+ Đã thu được trong năm	1.666.856.863	1.666.856.863	0
	+ Khách hàng nợ chưa trả	35.914.184	141.526.441	105.612.257
II	Tổng chi (1+2)	1.688.467.165	1.688.467.165	0
1	Chi từ nguồn NSNN cấp	893.000.000	893.000.000	0
2	Chi từ nguồn thu dịch vụ XLNT	795.467.165	795.467.165	0

2.1	Chi phí thường xuyên của hoạt động bộ máy	527.852.101	527.852.101	0
2.2.	Chi phí vật tư, công cụ, hóa chất, điện năng, nước sạch,	58.250.773	58.250.773	0
2.3	Chi phí khác	209.364.291	209.364.291	0
III	Chênh lệch thu - chi	871.389.698	1.012.916.139	141.526.441
IV	Nộp NSNN theo quy định	871.389.698	1.012.916.139	141.526.441
	Nộp NSNN theo quy định	871.389.698	871.389.698	0
	Thu thêm thuế GTGT 80% (của thuế suất 10%) thuế GTGT của dịch vụ xử lý nước thải từ tháng 05 đến tháng 12 năm 2022 của khách hàng	0	105.612.257	105.612.257
	Nộp tiền khách hàng còn nợ năm 2022	0	35.914.184	35.914.184

Ban đã tổ chức thu dịch vụ xử lý nước thải theo đơn giá đã được quy định tại Quyết định số 1536/QĐ-UBND. Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thu, từ tháng 05 đến tháng 12 năm 2022, Ban chưa tính thuế GTGT vào đơn giá xử lý nước thải tại Quyết định số 1536/QĐ-UBND là chưa phù hợp theo quy định nêu trên (đơn giá xử lý nước thải theo Quyết định 1536/QĐ-UBND là đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT). Ngoài ra, theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế GTGT thì dịch vụ xử lý nước thải chịu mức thuế suất 10%. Bên cạnh đó, ngày 28/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, theo đó dịch vụ xử lý nước thải được giảm mức thuế suất từ 10% xuống còn 8%. Nghị định này áp dụng giảm thuế GTGT từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022. Vì vậy Đoàn thanh tra xác định lại thuế GTGT phải trả của các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ xử lý nước thải từ Ban là: 105.612.257 đồng (chi tiết theo Phụ lục số 3).

Ban chỉ xác định chênh lệch số tiền thực thu và thực chi còn lại của nguồn hoạt động dịch vụ xử lý nước thải để nộp trả ngân sách nhà nước (đã thực thu 1.666.856.863 đồng – 795.467.165 đồng đã thực chi = 871.389.698 đồng nộp trả ngân sách nhà nước). Tuy nhiên, về nguyên tắc khi phát sinh hóa đơn bán hàng thì phải hạch toán và theo dõi doanh thu, không nhất thiết là đã thu tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu trong năm 2022: 1.666.856.863 thực thu + 35.914.184 đồng khách hàng còn nợ = 1.702.771.047 đồng. Vì vậy, số tiền các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ xử lý nước thải còn nợ cũng là doanh thu trong năm nên Ban phải thu hồi nộp tiếp ngân sách nhà nước số tiền: 35.914.184 đồng.

5.2. Nguồn thu hoạt động quản lý dự án:

Việc quản lý, sử dụng nguồn thu hoạt động quản lý dự án được thực hiện theo Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
I	Tổng thu (1+2)	2.322.578.000	2.322.578.000	0
1	Số dư năm trước chuyển sang	180.000.000	180.000.000	0
2	Thu trong năm 2022	2.142.578.000	2.142.578.000	0
2.1	Thu từ quản lý dự án	1.691.268.000	1.691.268.000	0
2.2	Thu từ hoạt động tư vấn	451.310.000	451.310.000	0
II	Tổng chi (1+2+3+4)	1.277.667.319	1.304.745.919	27.078.600
1	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho cá nhân	763.320.880	763.320.880	0
2	Chi hoạt động chuyên môn quản lý	386.796.619	386.796.619	0
3	Chi phục vụ thực hiện công việc và các hoạt động tư vấn	37.832.000	37.832.000	0
4	Chi các khoản khác	89.717.820	116.796.420	27.078.600
	<i>Thuế GTGT</i>	<i>42.851.560</i>	<i>56.390.860</i>	<i>13.539.300</i>
	<i>Thuế TNDN</i>	<i>42.851.560</i>	<i>56.390.860</i>	<i>13.539.300</i>
	<i>Thuế môn bài</i>	<i>4.014.700</i>	<i>4.014.700</i>	<i>0</i>
III	Chênh lệch thu - chi (I-II)	1.044.910.681	1.017.832.081	-27.078.600
IV	Trích lập các quỹ	1.044.910.681	1.017.832.081	-27.078.600
	- Quỹ phát triển HDSN	157.000.000	153.000.000	-4.000.000
	- Quỹ khen thưởng	50.000.000	50.000.000	0
	- Quỹ phúc lợi	190.000.000	190.000.000	0
	- Quỹ ổn định thu nhập	647.910.681	624.832.081	-23.078.600

Nguyên nhân chênh lệch: 27.078.600 đồng.

Trong năm 2022, Ban tính nộp thuế GTGT và thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu của nguồn thu hoạt động tư vấn là chưa phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC. Vì Ban Quản lý Khu kinh tế thuê Ban làm tư vấn các dự án do mình làm chủ đầu tư theo hợp đồng ký kết giữa hai bên, Ban có xuất hóa đơn cho Ban Quản lý Khu kinh tế để thu tiền từ hoạt động tư vấn này. Nên hoạt động dịch vụ thuộc đối tượng thuế TNDN, thuế GTGT theo thuế suất 5% trên doanh thu, nên thuế GTGT phải nộp tăng thêm số tiền: 13.539.300 đồng và thuế TNDN phải nộp tăng thêm: 13.539.300 đồng.

6. Kiểm tra việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ, Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính, Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh), Ban Quản lý Khu kinh tế có Kế hoạch số 07/KH-BQL ngày 23/02/2022 về việc ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, trong đó có chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nhưng trong năm 2022, Ban đã không xây dựng Kế hoạch Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị. Năm 2022, Ban có báo cáo số 43/BC-DAGPMB ngày 14/10/2022 về việc Kết quả Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.

Ngoài ra, Ban chưa xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn.

Như vậy, Ban không chủ động trong việc lập Kế hoạch Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị theo quy định của Chính phủ tại khoản 4 Điều 11 Mục 3 Chương II Nghị định số 84/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế toán:

7.1. Việc áp dụng chế độ kế toán, tài khoản kế toán:

Ban là đơn vị dự toán cấp III thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Ban thực hiện chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp được ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Ban áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thao tác trên máy vi tính theo chương trình phần mềm kế toán Misa.

7.2. Việc tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán:

Năm 2022, Bộ máy kế toán của Ban thuộc Phòng Hành chính – Tổng hợp. Nhiệm vụ được giao 3 nhân viên kế toán, 1 Kế trưởng phụ trách chung chịu trách nhiệm toàn bộ công tác kế toán của Ban, 1 kế toán phụ trách công tác bồi thường - giải phóng mặt bằng, 1 kế toán phụ trách công tác quản lý dự án và chi hoạt động thường xuyên. Nhân sự làm công tác kế toán phù hợp với quy mô và yêu cầu quản lý của Ban.

Kế toán trưởng và nhân viên kế toán đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán. Kế toán trưởng được bổ nhiệm đúng quy định.

7.3. Việc chấp hành quy định về chứng từ, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo quyết toán; bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán:

Qua kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán được lưu trữ tại Ban năm 2022 nhận thấy, Ban chấp hành và thực hiện đúng theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC: lập đầy đủ, đúng biểu mẫu các loại chứng từ, sổ sách kế toán

và báo cáo quyết toán. Hạch toán đúng quy định, kịp thời các nghiệp vụ kế toán phát sinh. Việc lưu trữ hồ sơ gọn gàng, ngăn nắp, đúng quy định.

Riêng đối với Nhà máy xử lý nước thải, Ban đang quản lý, sử dụng, vận hành và có doanh thu từ Nhà máy nhưng chưa được Ban Quản lý Khu kinh tế bàn giao hồ sơ của Nhà máy.

7.4. Việc chấp hành quy định công khai tài chính:

Ban đã lập đầy đủ báo cáo công khai dự toán thu, chi thường xuyên năm 2022; công khai tình hình thực hiện dự toán hàng năm; công khai quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC. Việc công khai được thực hiện bằng văn bản đúng nội dung, thời gian, hình thức và biểu mẫu theo quy định. Báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính gửi đến Ban Quản lý Khu Kinh tế đúng thời gian quy định.

III. KẾT LUẬN:

1. Ưu điểm và kết quả đạt được:

- Ban đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà Ban Quản lý Khu kinh tế giao. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời về kinh phí cho công tác bồi thường, GPMB, đầu tư dự án, duy tu, bảo dưỡng, vận hành các hạ tầng kỹ thuật trong Khu kinh tế Nhơn Hội và Nhà máy xử lý nước thải.

- Tuân thủ tương đối đầy đủ các quy trình, thủ tục về lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Sử dụng các nguồn kinh phí ngân sách nhà nước đúng mục đích, hiệu quả.

2. Khuyết điểm, tồn tại:

2.1. Trong việc ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

- Chưa có văn bản báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế xem xét, có ý kiến tham gia hoặc chỉ đạo về dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ trước khi ban hành.

- Chưa quy định nguồn thu trong Quy chế chi tiêu nội bộ theo Điều 15 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để tránh trường hợp quản lý, sử dụng sai hoặc nhầm lẫn tiêu chuẩn, định mức, nội dung.

- Không quy định đúng, không thực tế và mâu thuẫn với nhau về nguồn kinh phí áp dụng trong Quy chế chi tiêu nội bộ: Tại khoản 2 Điều 2 và Điều 4 Quyết định số 33/QĐ-DAGPMB; Điều 3 Quyết định số 47/QĐ-DAGPMB,

- Tại Điều 15. Trích lập các quỹ, tách nguồn của đơn vị ra 2 nội dung là hoạt động từ nguồn NSNN và hoạt động dịch vụ, trong đó trích lập quỹ bổ sung thu nhập cao hơn quy định và không thực tế của hoạt động dịch vụ.

- Quy định các khoản chi phúc lợi như: chi hiếu hỷ, hỗ trợ người lao động từ chi phí hoạt động là sai quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC

- Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban chưa đẩy mạnh việc khoán chi và quy định rõ chứng từ thanh toán.

- Thực hiện chi sai Quy chế chi tiêu nội bộ số tiền: 24.735.000 đồng.

2.2. Trong việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí không tự chủ:

Đối với việc duy tu, bảo dưỡng hạ tầng Khu kinh tế Nhơn Hội và Nhà máy xử lý nước thải, việc tiến hành lựa chọn nhà thầu chưa tuân thủ đúng quy trình đấu thầu theo khoản 2 Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và điểm 2a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 (hồ sơ chỉ định thầu 04 gói thầu duy tu sửa chữa thường xuyên công trình hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Nhơn Hội và nhà máy xử lý nước thải - gói thầu có giá trị trên 300.000.000 đồng, tổng giá trị của 4 gói thầu là: 2.976.269.135 đồng), không trình cấp có thẩm quyền (Ban Quản lý Khu kinh tế) phê duyệt kết quả chỉ định thầu trước khi ký hợp đồng thi công là trái quy định.

2.3 Trong việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí chi đầu tư:

- Sử dụng kinh phí chưa đúng mục đích được giao theo quyết định của UBND tỉnh số tiền: 1.000.506.000 đồng, một số nguồn vốn dùng để hoàn trả tạm ứng các dự án của tỉnh nhưng Ban đã sử dụng để chi trả bồi thường, GPMB.

- Khi thanh toán cho các nhà thầu chưa giảm 2% thuế GTGT theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ số tiền: 7.378.873 đồng.

2.4. Trong việc quản lý nguồn thu dịch vụ nhà máy xử lý nước thải:

- Thu thiếu thuế GTGT phải nộp NSNN của hoạt động dịch vụ xử lý nước thải số tiền: 105.612.257 đồng.

- Hạch toán không đúng khoản thu phải nộp NSNN (thiếu doanh thu mà các doanh nghiệp còn nợ) số tiền: 35.914.184 đồng.

2.5. Trong việc quản lý nguồn thu hoạt động quản lý dự án:

Áp dụng không đúng mức thuế GTGT và thuế TNDN theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC nên nộp thiếu thuế cho NSNN số tiền: 27.078.600 đồng, trong đó thuế GTGT số tiền: 13.539.300 đồng và thuế TNDN: 13.539.300 đồng.

2.6. Trong việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Ban không chủ động trong việc lập Kế hoạch Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị theo quy định của Chính phủ tại khoản 4 Điều 11 Mục 3 Chương II Nghị định số 84/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Không xây dựng Kế hoạch hàng năm và dài hạn.

*** Nguyên nhân để xảy ra các sai sót, vi phạm:**

- Giám đốc Ban chưa quan tâm đúng mức đến công tác tài chính; phụ thuộc vào sự tham mưu của bộ phận kế toán.

- Bộ phận kế toán không cập nhật kịp thời, đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ tài chính nên chưa áp dụng đúng vào đơn vị. Chưa chủ động tham mưu đề xuất cho giám đốc Ban trong quản lý thu, chi tài chính.

Trách nhiệm trong việc để xảy ra các sai sót vi phạm trên thuộc về Giám đốc Ban và Kế toán trưởng.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:

Không có

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

1. Đối với Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng:

1.1. Căn cứ Kết luận thanh tra, Ban tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và có biện pháp xử lý cho phù hợp; rút kinh nghiệm về những khuyết điểm, tồn tại và có biện pháp chấn chỉnh, chấm dứt ngay.

1.2. Xây dựng lại Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban để làm căn cứ thực hiện, thực hiện đúng các quy định đã được UBND tỉnh cho phép tại Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 27/12/2022. Hàng năm, rà soát sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo đúng quy định.

1.3. Ban rút kinh nghiệm, chấm dứt, không để xảy ra các khoản chi tương tự sau này các khoản sai phạm:

- Chưa thực hiện đầy đủ thủ tục đấu thầu số tiền: 2.976.269.135 đồng;
- Sử dụng kinh phí chưa đúng mục đích được giao theo quyết định của UBND tỉnh số tiền: 1.000.506.000 đồng;
- Chi sai Quy chế chi tiêu nội bộ số tiền: 24.735.000 đồng.

1.4. Thu hồi và nộp vào tài khoản tạm giữ ngân sách tỉnh của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước Bình Định các khoản chi sai phạm với tổng số tiền: 175.983.914 đồng, bao gồm:

- Không khấu trừ thuế GTGT được giảm 2% khi thanh toán dịch vụ số tiền: 7.378.873 đồng;
- Nộp chưa đủ doanh thu của nhà máy xử lý nước thải: 35.914.184 đồng;
- Thu thiếu thuế GTGT phải nộp NSNN của hoạt động dịch vụ xử lý nước thải số tiền: 105.612.257 đồng;
- Nộp thuế thiếu của hoạt động dịch vụ quản lý dự án và tư vấn số tiền: 27.078.600 đồng.

1.5. Tiếp nhận hồ sơ, hạch toán và theo dõi Nhà máy xử lý nước thải khi được Ban Quản lý Khu kinh tế bàn giao.

1.6. Công khai Kết luận thanh tra theo quy định.

2. Đối với Ban Quản lý Khu kinh tế:

2.1. Chỉ đạo và hướng dẫn Ban thực hiện Kết luận thanh tra.

2.2. Rút kinh nghiệm và khắc phục về những sai sót mà Ban Quản lý Khu kinh tế đã mắc phải nêu trên.

2.3. Bàn giao hồ sơ Nhà máy xử lý nước thải cho Ban quản lý.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2022 tại Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng. Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các kiến nghị và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản đến Sở Tài chính theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ về quy định việc thực hiện kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban QLDA và GPMB Khu kinh tế;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Ban Quản lý Khu kinh tế (phối hợp);
- Giám đốc Sở Tài chính;
- Phó GD Sở TC – P.V.Thành;
- Lưu: VT, HCSN, TTr, Websiete Sở, Đoàn TTr.



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Thành